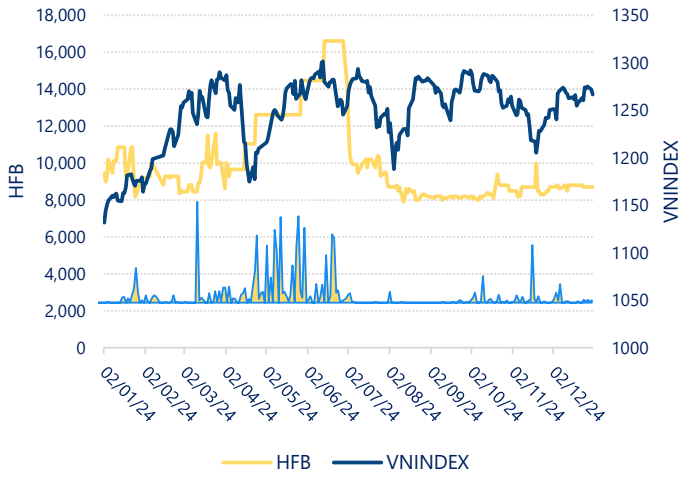
CTCP Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh (UPCOM

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

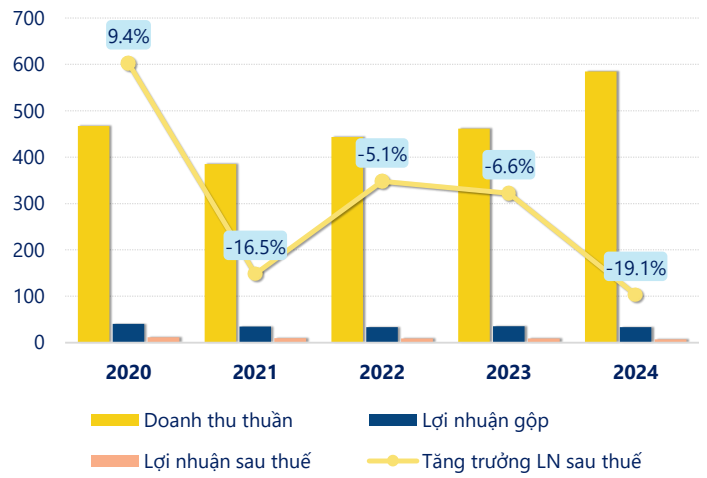
Ngày 31/12/2024	8,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.1%	8.7%	-

Lịch sử giá



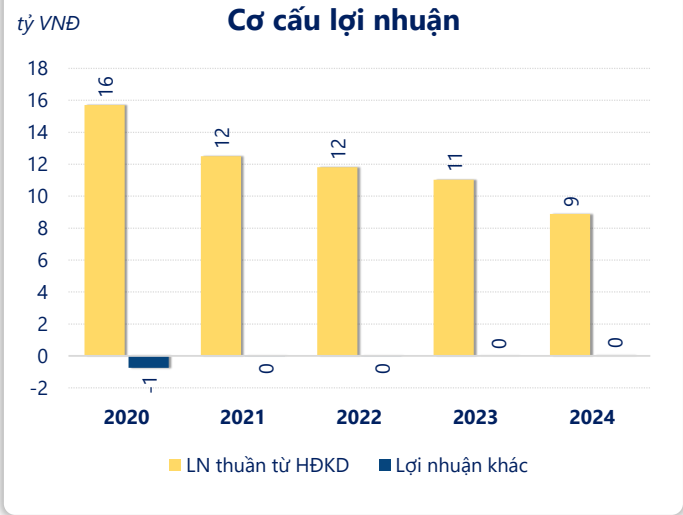
	2024	YoY
DT thuần	584 tỷ VNĐ	▲ 123 ▲ 26.6%
LN gộp	33.5 tỷ VNĐ	▼ 1.80 ▼ 5.0%
LN thuần	8.89 tỷ VNĐ	▼ 2.11 ▼ 19.4%
LN sau thuế	7.10 tỷ VNĐ	▼ 1.68 ▼ 19.1%
ROE	7.0%	+/- YoY ▼ 1.6%
ROA	1.5%	+/- YoY ▼ 0.4%

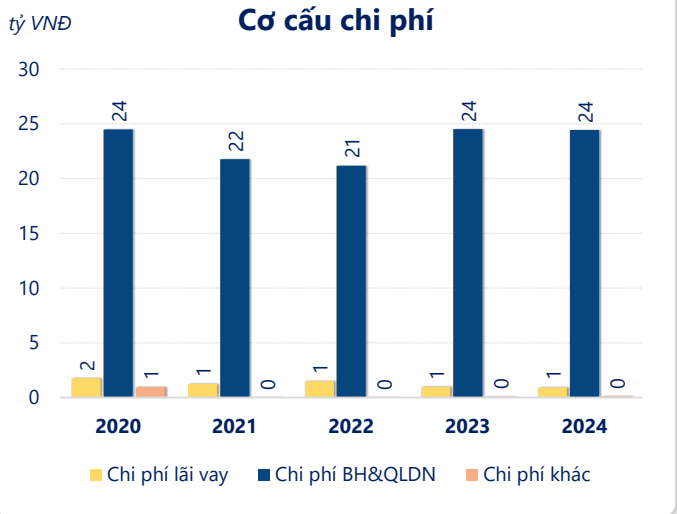
Kết quả kinh doanh



Năm **2024**, **HFB** ghi nhận doanh thu thuần **584.4** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **7.10** tỷ đồng, lần lượt **tăng 26.6%** và **giảm 19.1%** so với năm trước.

Kết quả kinh doanh chưa được cải thiện, với sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế. Với **ROE** bằng **6.96%** cho thấy công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý tài chính hiệu quả.

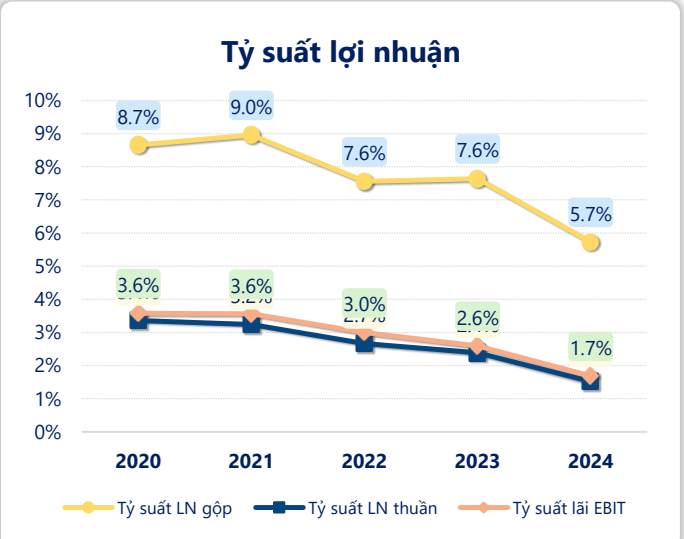


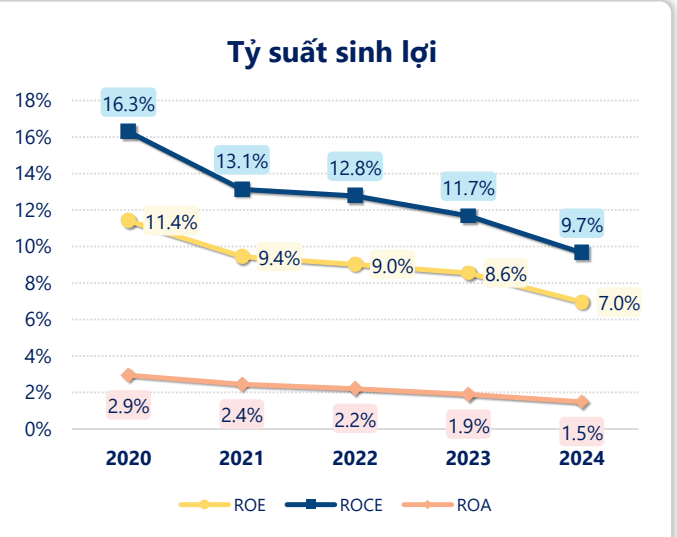


Năm **2024**, **HFB** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **8.89** tỷ đồng, **giảm đi 2.14** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (11.99 tỷ đồng) là 3.10 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

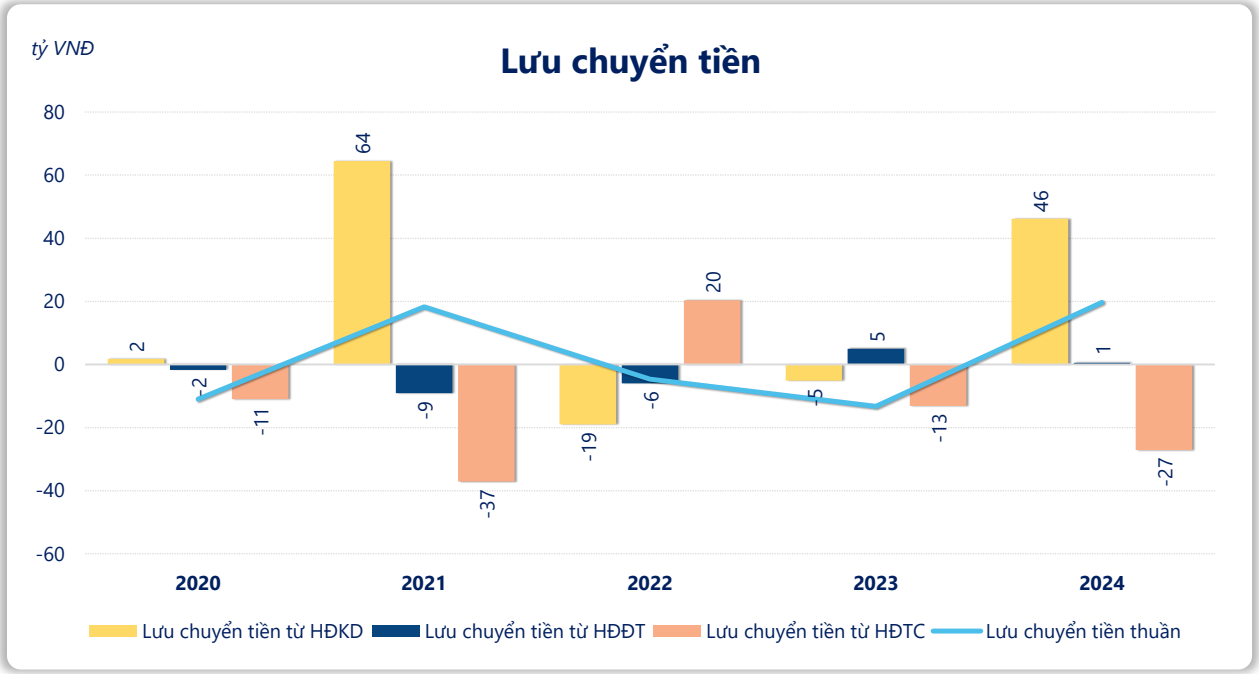
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **0.93** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **24.43** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.10** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của HFB năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **6.96%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**468**	**385**	**444**	**461**	**584**
Giá vốn hàng bán	427	351	410	426	551
Lợi nhuận gộp	**40.5**	**34.5**	**33.5**	**35.3**	**33.5**
Doanh thu HĐTC	1.46	0.96	0.93	1.27	0.74
Chi phí TC	1.77	1.23	1.47	1.03	0.93
Chi phí lãi vay	**1.77**	**1.23**	**1.47**	**0.96**	**0.93**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	24.5	21.8	21.2	24.5	24.4
LN thuần từ HĐKD	**15.7**	**12.5**	**11.8**	**11.0**	**8.89**
Lợi nhuận khác	-0.74	0.00	-0.01	0.00	0.04
LN trước thuế	**15.0**	**12.5**	**11.8**	**11.0**	**8.92**
Lợi nhuận sau thuế	**11.9**	**9.90**	**9.40**	**8.78**	**7.10**
LNST của CĐ cty mẹ	**11.7**	**9.87**	**9.39**	**8.78**	**7.10**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của HFB bằng **19.68** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-13.27 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **46.17** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **0.57** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-27.07** tỷ đồng.